

CÔNG TY CỔ PHẦN CMISTONE VIỆT NAM

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

CÔNG TY CỔ PHẦN CMISTONE VIỆT NAM

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	04 - 07
Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét	08 - 38
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	08 - 09
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	11
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	12 - 38

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Chúng tôi, các thành viên của Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần CMISTONE Việt Nam (gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo này và Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần CMISTONE Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Công ty Cổ phần CAVICO Khoáng sản và Công nghiệp, là doanh nghiệp được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102381001 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 03/10/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 22/05/2019.

Trụ sở chính của Công ty tại số 27, đường Giải Phóng, phường Bạch Mai, thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Hữu Chung	Chủ tịch
Ông Trần Thanh Hiệp	Phó Chủ tịch
Ông Trần Thanh Hữu	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Triệu Văn Năm	Tổng Giám đốc
Ông Trần Thanh Hữu	Phó Tổng Giám đốc

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hay không;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống Kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30/06/2025, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Hà Nội, ngày 13 tháng 08 năm 2025

TM. Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc



CMISTONE
VIỆT NAM

Triệu Văn Năm

Số: 1308.03-25/BC-TC/VAEHN

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần CMISTONE Việt Nam**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần CMISTONE Việt Nam ("Công ty") và công ty con được lập ngày 13 tháng 08 năm 2025, từ trang 08 đến trang 38, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và công ty con theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở của việc từ chối đưa ra kết luận

Các vấn đề phát sinh từ các năm trước ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất kỳ này

Số dư đầu kỳ

Đến thời điểm phát hành Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ này, chúng tôi không thể thu thập được các bằng chứng thích hợp liên quan đến số dư đầu kỳ trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 của Công ty và công ty con. Do đó, chúng tôi không xác định được liệu có phải điều chỉnh hồi tố đối với số dư tại ngày 01/01/2025 (nếu có) và các ảnh hưởng của các điều chỉnh này đến số liệu và thông tin được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 của Công ty và công ty con hay không.

Nợ xấu và nợ phải thu khó đòi

Tại ngày 30/06/2025, Ban Tổng Giám đốc đã trích lập dự phòng phải thu khó đòi với số tiền là 32,79 tỷ VND (tại ngày 01/01/2025 là 32,79 tỷ VND). Việc trích lập dự phòng này dựa trên đánh giá chủ quan của Ban Tổng Giám đốc, mà không có đầy đủ cơ sở đánh giá khả năng thu hồi phù hợp. Do hạn chế trong việc cung cấp hồ sơ chứng từ của Công ty và công ty con, chúng tôi không thể thực hiện các thủ tục thay thế nhằm thu thập đầy đủ bằng chứng cần thiết để đưa ra các điều chỉnh (nếu có) hay đưa ra kết luận về các khoản phải thu và trả trước cho người bán này tại ngày 30/06/2025 và ngày 01/01/2025 cũng như các khoản mục khác có liên quan trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 của Công ty và công ty con hay không (bao gồm cả số liệu so sánh).

Giá trị của hàng tồn kho

Tại thời điểm soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, chúng tôi không thể thu thập đầy đủ bằng chứng thích hợp, và chúng tôi cũng không được tham gia chứng kiến kiểm kê hàng tồn kho tại ngày 30/06/2025 với giá trị ghi sổ là 116,10 tỷ VND (tại ngày 01/01/2025 là 124,72 tỷ VND). Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc Công ty mẹ dựa trên ước tính chủ quan của mình về giá trị thuần có thể thực hiện và đã lập dự phòng 100% cho khoản chi phí sản xuất kinh doanh dở dang tại ngày 30/06/2025 và tại ngày 01/01/2025 với cùng số tiền là 7,98 tỷ VND. Do hạn chế trong việc cung cấp hồ sơ chứng từ của Công ty và công ty con, chúng tôi không thể thực hiện các thủ tục thay thế nhằm thu thập đầy đủ bằng chứng cần thiết để đưa ra các điều chỉnh (nếu có) hay kết luận về khoản mục hàng tồn kho tại ngày 30/06/2025 và tại ngày 01/01/2025, cũng như các khoản mục khác có liên quan trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 hay không (bao gồm cả số liệu so sánh).

Giá trị của tài sản cố định

Tại thời điểm soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, chúng tôi không thể thu thập đầy đủ bằng chứng thích hợp, và chúng tôi cũng không được tham gia chứng kiến kiểm kê tài sản cố định hữu hình tại ngày 30/06/2025 với nguyên giá là 125,96 tỷ VND (tại ngày 01/01/2025 là 125,96 tỷ VND). Chúng tôi cũng không thu thập được đầy đủ hồ sơ cho việc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định vô hình tại ngày 30/06/2025 với nguyên giá là 9,98 tỷ VND (tại ngày 01/01/2025 là 9,98 tỷ VND). Do hạn chế trong việc cung cấp hồ sơ chứng từ của Công ty và công ty con, chúng tôi không thể thực hiện các thủ tục thay thế nhằm thu thập đầy đủ bằng chứng cần thiết để đưa ra các điều chỉnh (nếu có) hay kết luận về khoản mục tài sản cố định tại ngày 30/06/2025 và tại ngày 01/01/2025, cũng như các khoản mục khác có liên quan trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 hay không (bao gồm cả số liệu so sánh).

Chi phí trả trước dài hạn

Tại thời điểm soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, chúng tôi không thể thu thập đầy đủ bằng chứng thích hợp về khoản chi phí trả trước dài hạn là Chi phí giải phóng mặt bằng tại cụm công nghiệp Nghĩa Long, xã Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An với số dư là 8,16 tỷ VND (tại ngày 31/12/2024 là 8,64 tỷ VND). Do hạn chế trong việc cung cấp hồ sơ chứng từ của Công ty, chúng tôi không thể thực hiện các thủ tục thay thế nhằm thu thập đầy đủ bằng chứng cần thiết để đưa ra các điều chỉnh hay kết luận về khoản mục chi phí trả trước dài hạn tại ngày 30/06/2025 và ngày 31/12/2024, cũng như các khoản mục khác có liên quan trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 hay không (bao gồm cả số liệu so sánh).

Dự phòng nghĩa vụ phải trả

Tại thời điểm 30/06/2025, Công ty con là Công ty TNHH MTV CMISTONE Việt Nam đang ghi nhận khoản vay với Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam với số tiền là 91,88 tỷ VND (tại ngày 01/01/2025 là 92,24 tỷ VND). Hiện tại, Công ty con đang bị NHNo&PTNT khởi kiện lên Tòa án Nhân dân quận Ba Đình, thành phố Hà Nội do chậm thanh toán nợ gốc và lãi đến hạn. Tập đoàn chưa ghi nhận bất cứ khoản dự phòng nào liên quan đến vụ kiện này vào Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Ngoài ra, chúng tôi cũng không được cung cấp thông tin về tài sản đảm bảo cho các khoản vay như được trình bày tại Thuyết minh số 14. Do hạn chế trong việc cung cấp hồ sơ chứng từ của Công ty và công ty con, chúng tôi không thể thực hiện các thủ tục thay thế nhằm thu thập đầy đủ bằng chứng cần thiết để đưa ra các điều chỉnh (nếu có) hay kết luận về khoản mục vay và nợ thuê tài chính dài hạn tại ngày 30/06/2025 và ngày 01/01/2025, các khoản dự phòng nghĩa vụ phải trả và chi phí tương ứng có thể phát sinh từ vụ kiện, cũng như các khoản mục khác có liên quan trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 hay không (bao gồm cả số liệu so sánh).

Giả định hoạt động liên tục

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 2.4 của Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ:

- Tại ngày 30/06/2025, lỗ lũy kế là 285,74 tỷ VND (tại ngày 01/01/2025: 275,08 tỷ VND). Vốn chủ sở hữu của Công ty và công ty con tại ngày 30/06/2025 đang âm 121,68 tỷ VND (Tại ngày 01/01/2025 âm 111,02 tỷ VND). Nợ ngắn hạn tại ngày 30/06/2025 và tại ngày 01/01/2025 đang vượt quá Tài sản ngắn hạn với số tiền tương ứng là 129,75 tỷ VND và 122,63 tỷ VND.
- Ngày 07/11/2022, Công ty đã bị Cục thuế Thành phố Hà Nội cưỡng chế bằng các biện pháp ngừng sử dụng hóa đơn theo Quyết định số 53516/CTHN-QLN ngày 07/11/2022 do có số tiền thuế quá hạn nộp phải thực hiện cưỡng chế theo quy định tại Luật quản lý thuế với số tiền 15,14 tỷ VND.
- Ngoài ra, ngày 28/12/2021, Tòa án Nhân dân quận Ba Đình, thành phố Hà Nội đã thụ lý vụ án kinh doanh thương mại số 127/TLST-KDTM. Theo đó, NHNo&PTNT đã khởi kiện Công ty TNHH MTV CMISTONE Việt Nam (công ty con) do vi phạm hợp đồng tín dụng số 1420LAV201800138 ký ngày 27/04/2018 với số dư tại ngày 30/06/2025 là 91,88 tỷ VND để nhận lại hoạt động sản xuất đá nhân tạo, quản lý các công trình xây dựng, máy móc, thiết bị, các khoản vay đã đầu tư vào Nhà máy CMISTONE Việt Nam của Công ty. Đến thời điểm 30/06/2025, Công ty đã nhận chuyển giao toàn bộ nghĩa vụ nợ của hợp đồng tín dụng nêu trên từ Công ty TNHH MTV CMISTONE Việt Nam (công ty con), do đó Công ty sẽ phát sinh quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ kiện này.

Sự tồn tại của nhiều yếu tố không chắc chắn trọng yếu nêu trên tạo ra sự nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty và công ty con.

Từ chối đưa ra kết luận

Do tầm quan trọng của các vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của việc từ chối đưa ra kết luận", chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng thích hợp để làm cơ sở đưa ra kết luận soát xét. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra kết luận soát xét đối với các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo.

Hà Nội, ngày 13 tháng 08 năm 2025

Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam
- Chi nhánh Hà Nội



Nguyễn Quang Trung

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 1938-2023-034-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2025	01/01/2025
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		124.854.293.481	135.435.344.000
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	1.469.182.977	144.389.361
111	1. Tiền		1.469.182.977	144.389.361
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		5.449.398.263	8.155.333.706
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4	10.064.709.764	11.025.204.891
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5	11.117.855.478	12.863.295.794
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	6	2.211.000.000	2.211.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	7	13.336.625.894	13.336.625.894
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(31.280.792.873)	(31.280.792.873)
140	III. Hàng tồn kho	9	108.121.084.437	116.740.872.071
141	1. Hàng tồn kho		116.100.555.042	124.720.342.676
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(7.979.470.605)	(7.979.470.605)
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		9.814.627.804	10.394.748.862
152	1. Thuế GTGT được khấu trừ		9.814.627.804	10.394.748.862
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		69.827.589.128	73.365.325.356
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		-	-
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	1.512.959.872	1.512.959.872
219	2. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi		(1.512.959.872)	(1.512.959.872)
220	II. Tài sản cố định		61.669.765.570	64.729.604.950
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	56.876.223.881	59.769.813.261
222	- Nguyên giá		125.957.672.439	125.957.672.439
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(69.081.448.558)	(66.187.859.178)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	4.793.541.689	4.959.791.689
228	- Nguyên giá		9.975.000.000	9.975.000.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(5.181.458.311)	(5.015.208.311)
260	III. Tài sản dài hạn khác		8.157.823.558	8.635.720.406
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	8.157.823.558	8.635.720.406
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		194.681.882.609	208.800.669.356

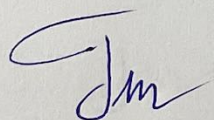
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025

(tiếp theo)

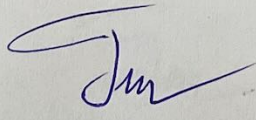
Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2025	01/01/2025
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		316.363.889.913	319.819.291.476
310	I. Nợ ngắn hạn		254.606.003.956	258.061.405.519
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	19.472.549.945	19.964.734.220
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	16	7.192.348.068	7.083.073.027
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	15.136.857.552	15.136.857.552
315	4. Chi phí phải trả ngắn hạn	13	101.570.054.027	97.022.546.356
319	5. Phải trả ngắn hạn khác		6.535.568.471	6.535.568.471
320	6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	14	104.697.073.893	112.317.073.893
322	7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		1.552.000	1.552.000
330	II. Nợ dài hạn		61.757.885.957	61.757.885.957
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	14	61.757.885.957	61.757.885.957
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		(121.682.007.304)	(111.018.622.120)
410	I. Vốn chủ sở hữu	19	(121.682.007.304)	(111.018.622.120)
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		160.000.000.000	160.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		160.000.000.000	160.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		3.167.767.978	3.167.767.978
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		891.344.168	891.344.168
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(285.741.119.450)	(275.077.734.266)
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		(275.077.734.266)	(254.337.968.727)
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		(10.663.385.184)	(20.739.765.539)
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		194.681.882.609	208.800.669.356

Người lập biểu



Trần Thị Hiền

Kế toán trưởng



Trần Thị Hiền

Hà Nội, ngày 13 tháng 08 năm 2025

Tổng Giám đốc



Triệu Văn Năm

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	21.211.438.438	9.744.747.929
10	2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		21.211.438.438	9.744.747.929
11	3. Giá vốn hàng bán	21	(23.139.710.915)	(11.083.888.597)
20	4. Lỗ gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		(1.928.272.477)	(1.339.140.668)
21	5. Doanh thu hoạt động tài chính	22	2.171.614	340.594.565
22	6. Chi phí tài chính	23	(4.640.435.803)	(5.069.663.653)
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		(4.547.507.671)	(4.801.240.548)
25	7. Chi phí bán hàng		(272.497.086)	(309.422.232)
26	8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	(344.349.494)	(344.556.234)
30	9. Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh		(7.183.383.246)	(6.722.188.222)
32	10. Chi phí khác	25	(3.480.001.938)	(3.504.407.425)
40	11. Lỗ khác		(3.480.001.938)	(3.504.407.425)
50	12. Tổng lỗ kế toán trước thuế		(10.663.385.184)	(10.226.595.647)
60	13. Lỗ sau thuế thu nhập doanh nghiệp		(10.663.385.184)	(10.226.595.647)
70	14. Lỗ cơ bản trên cổ phiếu	26	(666)	(639)

Hà Nội, ngày 13 tháng 08 năm 2025

Người lập biểu

Trần Thị Hiền

Kế toán trưởng

Trần Thị Hiền



Triệu Văn Năm

Mẫu số B03a-DN/HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số CHỈ TIÊU		Thuyết minh	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lỗ trước thuế		(10.663.385.184)	(10.226.595.647)
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		3.059.839.380	3.105.697.027
03	- Các khoản dự phòng		-	-
05	- Lãi từ hoạt động đầu tư		(81.556)	(66.003)
06	- Chi phí lãi vay		4.547.507.671	4.801.240.548
08	3. (Lỗ)/lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(3.056.119.689)	(2.319.724.075)
09	- Giảm /(tăng)các khoản phải thu		3.286.056.501	(1.443.936.597)
10	- Giảm/(tăng) hàng tồn kho		8.619.787.634	2.222.573.523
11	- Giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)		(382.909.234)	(902.726.370)
12	- Giảm chi phí trả trước		477.896.848	477.896.848
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		8.944.712.060	(1.965.916.671)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
27	1. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		81.556	66.003
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		81.556	66.003
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu đi vay		8.680.700.000	3.629.999.997
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(16.300.700.000)	(1.518.000.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(7.620.000.000)	2.111.999.997
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		1.324.793.616	146.149.329
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		144.389.361	941.896.851
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	1.469.182.977	1.088.046.180

Người lập biểu

Trần Thị Hiền

Kế toán trưởng

Trần Thị Hiền

Hà Nội, ngày 13 tháng 08 năm 2025



Tổng Giám đốc

Triệu Văn Năm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần CMISTONE Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Công ty Cổ phần CAVICO Khoáng sản và Công nghiệp, là doanh nghiệp được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102381001 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 03/10/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 22/05/2019.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102381001 thay đổi lần thứ 15 ngày 22/05/2019 thì Vốn điều lệ của Công ty là 160.000.000.000 đồng (Một trăm sáu mươi tỷ đồng), tương đương 16.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hà Nội với mã chứng khoán là CMI.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là khai thác, sản xuất và kinh doanh thương mại các loại đá.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 27, đường Giải Phóng, phường Bạch Mai, thành phố Hà Nội.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc Tập đoàn

Công ty con duy nhất là Công ty TNHH MTV CMISTONE Việt Nam có trụ sở chính tại số 25, đường Giải Phóng, phường Bạch Mai, thành phố Hà Nội. Hoạt động kinh doanh chính của Công ty con này là sản xuất, thương mại. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại Công ty con là 100%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ lợi ích tương đương với tỷ lệ vốn góp.

Danh sách các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Văn phòng Công ty tại Yên Bái	Thôn Chấn Hưng, xã Lương Thịnh, tỉnh Yên Bái
Văn phòng Công ty tại Quảng Ngãi	Thôn Huy Măng, xã Sơn Tây, tỉnh Quảng Ngãi

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Các thông tin, dữ liệu, số liệu tương ứng trong hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 được trình bày là các thông tin, dữ liệu, số liệu mang tính so sánh.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo nguyên tắc giá gốc, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty và báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty do Công ty kiểm soát (công ty con) được lập cho đến ngày 30/06/2025. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Hợp nhất kinh doanh

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà quyền kiểm soát được chuyển giao cho Công ty. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Khi đánh giá quyền kiểm soát, Công ty phải xem xét quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại.

Theo phương pháp mua, tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của Công ty được mua được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

2.4 . Giả định hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty đã được lập trên cơ sở hoạt động liên tục với giả định rằng Công ty sẽ có thể sử dụng các tài sản và thanh toán các khoản nợ phải trả trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường trong tương lai gần.

Tại ngày 30/06/2025, lỗ lũy kế là 285,74 tỷ VND (tại ngày 01/01/2025: 275,08 tỷ VND). Vốn chủ sở hữu của Công ty tại ngày 30/06/2025 đang âm 121,68 tỷ VND (Tại ngày 01/01/2025 âm 111,02 tỷ VND). Nợ ngắn hạn tại ngày 30/06/2025 và tại ngày 01/01/2025 đang vượt quá Tài sản ngắn hạn với số tiền tương ứng là 129,75 tỷ VND và 122,63 tỷ VND.

Từ năm 2018, Công ty đã chuyển giao toàn bộ Nhà máy chế biến đá nhân tạo cho công ty con là Công ty TNHH MTV CMISTONE Việt Nam thuê, quy mô hoạt động của Công ty bị thu hẹp lại, không phát sinh chi phí tiền lương cho bộ máy quản lý của Công ty mẹ.

Ngày 07/11/2022, Công ty đã bị Cục thuế Thành phố Hà Nội cưỡng chế bằng các biện pháp ngừng sử dụng hóa đơn theo Quyết định số 53516/CTHN-QLN ngày 07/11/2022 do có số tiền thuế quá hạn nộp phải thực hiện cưỡng chế theo quy định tại Luật quản lý thuế với số tiền 15,14 tỷ VND.

Ngoài ra, ngày 28/12/2021, Tòa án Nhân dân quận Ba Đình, thành phố Hà Nội đã thụ lý vụ án kinh doanh thương mại số 127/TLST-KDTM. Theo đó, NHNo&PTNT đã khởi kiện Công ty TNHH MTV CMISTONE Việt Nam (công ty con) do vi phạm hợp đồng tín dụng số 1420LAV201800138 ký ngày 27/04/2018 với số dư tại ngày 30/06/2025 là 91,88 tỷ VND để nhận lại hoạt động sản xuất đá nhân tạo, quản lý các công trình xây dựng, máy móc, thiết bị, các khoản vay đã đầu tư vào Nhà máy CMISTONE Việt Nam của Công ty. Đến thời điểm 30/06/2025, Công ty đã nhận chuyển giao toàn bộ nghĩa vụ nợ của hợp đồng tín dụng nêu trên từ Công ty TNHH MTV CMISTONE Việt Nam (công ty con), do đó Công ty sẽ phát sinh quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ kiện này.

Các vấn đề này tồn tại các yếu tố không chắc chắn trọng yếu có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Công ty đang tập trung xây dựng các phương án kinh doanh để Công ty có thể tiếp tục hoạt động kinh doanh bình thường trong tương lai. Theo đó, Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty được lập trên cơ sở giả định đáp ứng hoạt động liên tục.

Vì vậy, Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không bao gồm các bút toán điều chỉnh liên quan đến khả năng thu hồi và việc phân loại các khoản mục tài sản đã hạch toán hoặc các khoản mục công nợ cần thiết trong trường hợp Công ty không thể tiếp tục hoạt động trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục. Giả định này được lập dựa trên cơ sở dự đoán các sự kiện sẽ diễn ra trong tương lai như đã nêu ở trên.

2.5 . Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

2.6 . Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2.7 . Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.8 . Nguyên tắc kế toán các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết trả nợ mà doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu hồi được, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

2.9 . Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ:

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.10 . Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	02 - 20 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 - 20 năm
- Tài sản cố định hữu hình khác	05 - 10 năm

Tài sản cố định vô hình của Công ty là quyền khai thác mỏ đá. Công ty khấu hao Quyền khai thác mỏ đá theo thời gian ước tính khai thác là 30 năm.

2.11 . Nguyên tắc kế toán thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.12 . Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ các khoản chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Chi phí trả trước của Công ty là chi phí giải phóng mặt bằng dự án Nghĩa Đàn tại cụm công nghiệp Nghĩa Long, xã Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An.

2.13 . Nguyên tắc kế toán các khoản nợ phải trả

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác);
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn phải trả.

2.14 . Nguyên tắc ghi nhận vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay.

2.15 . Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.16 . Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả của Công ty bao gồm các khoản chi phí lãi vay là các chi phí thực tế đã phát sinh trong kỳ báo cáo nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được tính toán một cách chặt chẽ và phải có bằng chứng hợp lý, tin cậy về các khoản chi phí phải trích trước trong kỳ, để đảm bảo số chi phí phải trả hạch toán vào tài khoản này phù hợp với số chi phí thực tế phát sinh.

2.17 . Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội cổ đông và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty;
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.18 . Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.19 . Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính là chi phí đi vay vốn.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.20 . Các nghĩa vụ về thuế

Thuế giá trị gia tăng (GTGT)

Công ty áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN kỳ hiện hành

Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với thu nhập chịu thuế cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

2.21 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.22 . Thông tin bộ phận

Trong kỳ, Công ty mẹ không có hoạt động sản xuất, kinh doanh, công ty con chỉ hoạt động sản xuất và thương mại các loại đá ở địa bàn tỉnh Nghệ An nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

Mẫu số B09a-DN/HN

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Tiền mặt	41.439.410	76.646.668
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.427.743.567	67.742.693
Tổng	1.469.182.977	144.389.361

4 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Khoáng sản và Công nghiệp Hưng Thịnh	623.734	-	623.734	-
Công ty Cổ phần Sản xuất Xây dựng Toàn Cầu	3.145.351.660	(3.145.351.660)	3.145.351.660	(3.145.351.660)
Công ty Cổ phần Đầu tư Đại Gia Phát	1.737.806.660	-	1.889.806.660	-
Công ty TNHH Quang Phúc STONE	1.275.498.500	-	1.275.262.500	-
Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Đông Ấn Đà Nẵng	-	-	940.538.000	-
Các khách hàng khác	3.905.429.210	(1.522.774.882)	3.773.622.337	(1.522.774.882)
Tổng	10.064.709.764	(4.668.126.542)	11.025.204.891	(4.668.126.542)
Trong đó: Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	1.879.002.354	(186.121.826)	2.031.002.354	(186.121.826)

(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 29)

5 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Xuất khẩu và Khai thác Khoáng sản Việt Nam	7.184.798.559	(7.184.798.559)	7.184.798.559	(7.184.798.559)
Công ty Cổ phần Công nghiệp Thương mại và Dịch vụ Hoàng Sơn	2.025.667.720	(2.025.667.720)	2.025.667.720	(2.025.667.720)
Các đối tượng khác	1.907.389.199	(1.855.423.924)	3.652.829.515	(1.855.423.924)
Tổng	11.117.855.478	(11.065.890.203)	12.863.295.794	(11.065.890.203)
Trong đó: Trả trước cho người bán là các bên liên quan	9.210.466.279	(9.210.466.279)	9.210.466.279	(9.210.466.279)

(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 29)

6 . PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Thương mại Xây dựng và Đầu tư Hoàng Long (*)	2.211.000.000	(2.211.000.000)	2.211.000.000	(2.211.000.000)
Tổng	2.211.000.000	(2.211.000.000)	2.211.000.000	(2.211.000.000)
Trong đó: Phải thu về cho vay là các bên liên quan	2.211.000.000	(2.211.000.000)	2.211.000.000	(2.211.000.000)

(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 29)

(*) Khoản cho vay không có lãi suất. Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng 100%.

7 . PHẢI THU KHÁC

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
Ký quỹ, ký cược	65.600.000	(65.600.000)	65.600.000	(65.600.000)
Tạm ứng	254.210.324	(253.360.558)	254.210.324	(253.360.558)
Phải thu khác	13.016.815.570	(13.016.815.570)	13.016.815.570	(13.016.815.570)
- Các đối tượng khác	13.016.815.570	(13.016.815.570)	13.016.815.570	(13.016.815.570)
Tổng	13.336.625.894	(13.335.776.128)	13.336.625.894	(13.335.776.128)
b) Dài hạn				
Ký cược, ký quỹ	1.512.959.872	(1.512.959.872)	1.512.959.872	(1.512.959.872)
Tổng	1.512.959.872	(1.512.959.872)	1.512.959.872	(1.512.959.872)
Trong đó: Phải thu khác là các bên liên quan	9.219.943.624	(9.219.943.624)	9.219.943.624	(9.219.943.624)
<i>(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 29)</i>				

8 . NỢ XẤU

Mẫu số B09a-DN/HN

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	38.243.151.008	5.449.398.263	40.949.086.451	8.155.333.706
Phải thu khách hàng	10.064.709.764	5.396.583.222	11.025.204.891	6.357.078.349
- Công ty Cổ phần Khoáng sản và Công nghiệp Hưng Thịnh	623.734	623.734	623.734	623.734
- Công ty Cổ phần Sản xuất Xây dựng Toàn Cầu	3.145.351.660	-	3.145.351.660	-
- Các khách hàng khác	6.918.734.370	5.395.959.488	7.879.229.497	6.356.454.615
Phải thu về cho vay	2.211.000.000	-	2.211.000.000	-
- Công ty Cổ phần Thương mại Xây dựng và Đầu tư Hoàng Long	2.211.000.000	-	2.211.000.000	-
Trả trước cho người bán	11.117.855.478	51.965.275	12.863.295.794	1.797.405.591
- Công ty Cổ phần Xuất khẩu và Khai thác Khoáng sản Việt Nam	7.184.798.559	-	7.184.798.559	-
- Công ty Cổ phần Công nghiệp Thương mại và Dịch vụ Hoàng Sơn	2.025.667.720	-	2.025.667.720	-
- Các đối tượng khác	1.907.389.199	51.965.275	3.652.829.515	1.797.405.591
Phải thu khác	14.849.585.766	849.766	14.849.585.766	849.766
- Ký quỹ, ký cược	1.578.559.872	-	1.578.559.872	-
- Phải thu khác	13.271.025.894	849.766	13.271.025.894	849.766
Tổng	38.243.151.008	5.449.398.263	40.949.086.451	8.155.333.706

9 . HÀNG TỒN KHO

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	63.118.483.701	-	57.306.266.552	-
Công cụ, dụng cụ	41.150.000	-	41.150.000	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	7.979.470.605	(7.979.470.605)	7.979.470.605	(7.979.470.605)
Thành phẩm	35.576.915.447	-	50.008.920.230	-
Hàng hóa	166.864.916	-	166.864.916	-
Hàng gửi đi bán	9.217.670.373	-	9.217.670.373	-
Tổng	116.100.555.042	(7.979.470.605)	124.720.342.676	(7.979.470.605)

10 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	TSCĐ hữu hình khác	Cộng
Nguyên giá	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu kỳ	35.147.320.844	83.085.005.125	3.319.147.521	4.406.198.949	125.957.672.439
Số dư cuối kỳ	<u>35.147.320.844</u>	<u>83.085.005.125</u>	<u>3.319.147.521</u>	<u>4.406.198.949</u>	<u>125.957.672.439</u>
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	12.959.648.392	48.499.335.973	3.015.202.505	1.713.672.308	66.187.859.178
- Khấu hao trong kỳ	709.083.923	1.980.794.692	115.144.393	88.566.372	2.893.589.380
Số dư cuối kỳ	<u>13.668.732.315</u>	<u>50.480.130.665</u>	<u>3.130.346.898</u>	<u>1.802.238.680</u>	<u>69.081.448.558</u>
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu kỳ	22.187.672.452	34.585.669.152	303.945.016	2.692.526.641	59.769.813.261
Tại ngày cuối kỳ	<u>21.478.588.529</u>	<u>32.604.874.460</u>	<u>188.800.623</u>	<u>2.603.960.269</u>	<u>56.876.223.881</u>

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay là 59.373.066.450 VND.
- Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết còn sử dụng là 19.472.306.046 VND.

11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình là quyền khai thác mỏ với nguyên giá và khấu hao lũy kế tại ngày 30/06/2024 lần lượt là 9.975.000.000 VND và 5.181.458.311 VND.

Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ vô hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay là 4.793.541.689 VND.

12 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
Chi phí giải phóng mặt bằng tại cụm công nghiệp Nghĩa Long, xã Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An	8.157.823.558	8.635.720.406
Tổng	8.157.823.558	8.635.720.406

13 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
Chi phí lãi vay	86.838.098.560	82.290.590.889
Các khoản trích trước khác	14.731.955.467	14.731.955.467
Tổng	101.570.054.027	97.022.546.356

14 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

Mẫu số B09a-DN/HN

	01/01/2025		Trong kỳ		30/06/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn						
Vay ngắn hạn						
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hoàng Quốc Việt (i)	47.522.587.249	47.522.587.249	8.680.700.000	15.947.700.000	40.255.587.249	40.255.587.249
	14.623.814.257	14.623.814.257	-	-	14.623.814.257	14.623.814.257
- Công ty Cổ phần Chứng khoán Tràng An (ii)	3.372.550.746	3.372.550.746	-	-	3.372.550.746	3.372.550.746
- Công ty Cổ phần Đầu tư Đại Gia Phát (iii)	29.511.861.246	29.511.861.246	-	7.400.000.000	22.111.861.246	22.111.861.246
- Vay cá nhân (iv)	14.361.000	14.361.000	8.680.700.000	8.547.700.000	147.361.000	147.361.000
Vay dài hạn đến hạn trả						
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hoàng Quốc Việt	64.794.486.644	64.794.486.644	-	353.000.000	64.441.486.644	64.441.486.644
	14.590.486.644	14.590.486.644	-	-	14.590.486.644	14.590.486.644
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Đông Hà Nội	50.204.000.000	50.204.000.000	-	353.000.000	49.851.000.000	49.851.000.000
Tổng	112.317.073.893	112.317.073.893	8.680.700.000	16.300.700.000	104.697.073.893	104.697.073.893

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

Mẫu số B09a-DN/HN

- (iii) Khoản vay Công ty Cổ phần Dầu tự Đại Gia Phát không tính lãi vay, không có tài sản bảo đảm.
- (iv) Vay cá nhân không có tài sản bảo đảm, không tính lãi.

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:

- (v) Vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hoàng Quốc Việt theo các Hợp đồng tín dụng:

- Hợp đồng tín dụng số 1450-LAV201500035 ký ngày 22/01/2015 với hạn mức 3,15 tỷ VND. Thời gian hiệu lực là 48 tháng. Mục đích của khoản vay để mua 01 máy xúc lật và 06 xe ô tô Dongfeng. Lãi suất tại ngày vay là 10,5%/năm, lãi suất thả nổi 03 tháng điều chỉnh 1 lần. Tài sản bảo đảm là 01 máy xúc lật và 06 xe ô tô Dongfeng.

- Hợp đồng tín dụng số 1450-LAV201100330 ký ngày 15/09/2011 với hạn mức 5 tỷ VND. Thời gian hiệu lực là 60 tháng. Mục đích vay là để mua máy móc thiết bị. Lãi suất là lãi suất thả nổi. Tài sản bảo đảm là quyền đầu tư khai thác mỏ tại Yên Bái.

- (vi) Vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Đồng Hà Nội theo các Hợp đồng tín dụng:

- Hợp đồng tín dụng số 1420-LAV-201500144 ký ngày 13/04/2015. Thời gian hiệu lực là 96 tháng. Mục đích khoản vay để đầu tư xây dựng nhà máy CMISTONE Việt Nam tại Nghệ An. Lãi suất tại ngày vay là 11%/năm, lãi suất biến đổi 03 tháng điều chỉnh 1 lần. Tài sản bảo đảm là toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản hình thành trên đất, máy móc thiết bị, nhà xưởng, các công trình thuộc nhà máy CMISTONE Việt Nam.

- Hợp đồng tín dụng số 1420-LAV-201800138 ký ngày 27/04/2018 giữa Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Đông Hà Nội. Hợp đồng này đã chuyển giao toàn bộ nghĩa vụ nợ từ Công ty TNHH MTV CMISTONE Việt Nam (công ty con) sang Công ty Cổ phần CMISTONE Việt Nam (công ty mẹ).

c) Số vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán

	30/06/2025		01/01/2025	
	Gốc	Lãi	Gốc	Lãi
	VND	VND	VND	VND
Vay	166.454.959.850	86.838.098.560	174.074.959.850	82.290.590.889
Tổng	166.454.959.850	86.838.098.560	174.074.959.850	82.290.590.889

15 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
Guangzhou Honesty Trading Co.,Ltd	2.018.685.000	2.018.685.000	2.018.685.000	2.018.685.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Đại Gia Phát	12.226.811.132	12.226.811.132	12.320.811.132	12.320.811.132
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Công nghiệp Đông Nam	1.406.756.410	1.406.756.410	1.406.756.410	1.406.756.410
Các đối tượng khác	3.820.297.403	3.820.297.403	4.218.481.678	4.218.481.678
Tổng	19.472.549.945	19.472.549.945	19.964.734.220	19.964.734.220
b) Trong đó: Phải trả bán là các bên liên quan	12.226.811.132	12.226.811.132	12.320.811.132	12.320.811.132
(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 29)				

16 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	<u>30/06/2025</u>	<u>01/01/2025</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Cao Thăng	5.750.000.000	5.750.000.000
Các khách hàng khác	1.442.348.068	1.333.073.027
Tổng	<u>7.192.348.068</u>	<u>7.083.073.027</u>

17 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<u>Đầu kỳ</u>	<u>Số phải nộp trong kỳ</u>	<u>Số đã thực nộp trong kỳ</u>	<u>Cuối kỳ</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.919.437.961	-	-	1.919.437.961
Thuế thu nhập cá nhân	402.861.685	-	-	402.861.685
Thuế tài nguyên	1.729.417.939	-	-	1.729.417.939
Các loại thuế khác	616.979.082	-	-	616.979.082
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	10.468.160.885	3.000.000	3.000.000	10.468.160.885
Tổng	<u>15.136.857.552</u>	<u>3.000.000</u>	<u>3.000.000</u>	<u>15.136.857.552</u>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

Mẫu số B09a-DN/HN

19 . PHẢI TRẢ NGÂN HẠN KHÁC

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Tài sản thừa chờ giải quyết	1.729.404.675	1.729.404.675
Kinh phí công đoàn	121.656.904	121.656.904
Bảo hiểm xã hội	2.955.115.009	2.955.115.009
Bảo hiểm y tế	90.910.190	90.910.190
Bảo hiểm thất nghiệp	7.385.832	7.385.832
Phải trả về cổ phần hóa	123.002.409	123.002.409
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.508.093.452	1.508.093.452
Tổng	6.535.568.471	6.535.568.471

19 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của CSH	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu kỳ trước	160.000.000.000	3.167.767.978	891.344.168	(254.337.968.727)	(90.278.856.581)
Lỗ trong kỳ trước	-	-	-	(20.739.765.539)	(20.739.765.539)
Số dư cuối kỳ trước	160.000.000.000	3.167.767.978	891.344.168	(275.077.734.266)	(111.018.622.120)
Số dư đầu kỳ này	160.000.000.000	3.167.767.978	891.344.168	(275.077.734.266)	(111.018.622.120)
Lỗ trong kỳ này	-	-	-	(10.663.385.184)	(10.663.385.184)
Số dư cuối kỳ này	160.000.000.000	3.167.767.978	891.344.168	(285.741.119.450)	(121.682.007.304)

b) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu kỳ	160.000.000.000	160.000.000.000
- Vốn góp cuối kỳ	160.000.000.000	160.000.000.000

c) Cổ phiếu

	30/06/2025	01/01/2025
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	16.000.000	16.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	16.000.000	16.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	16.000.000	16.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	16.000.000	16.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	16.000.000	16.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu		

d) Các quỹ của Công ty

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	891.344.168	891.344.168
Tổng	891.344.168	891.344.168

20 . DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	16.658.494.195	9.744.747.929
Doanh thu bán các thành phẩm	4.552.944.243	-
Tổng	21.211.438.438	9.744.747.929

Mẫu số B09a-DN/HN

21 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	18.303.348.485	-
Giá vốn của thành phẩm đã bán	4.836.362.430	11.083.888.597
Tổng	23.139.710.915	11.083.888.597

22 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	81.556	66.003
Lãi chênh lệch tỷ giá	2.090.058	340.528.562
Tổng	2.171.614	340.594.565

23 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Lãi tiền vay	4.547.507.671	4.801.240.548
Lỗ chênh lệch tỷ giá	92.928.132	268.423.105
Tổng	4.640.435.803	5.069.663.653

24 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Chi phí nhân công	237.268.877	240.963.265
Thuế, phí và lệ phí	5.707.777	13.668.154
Chi phí dịch vụ mua ngoài	101.372.840	89.924.815
Chi phí khác bằng tiền	-	-
Tổng	344.349.494	344.556.234

25 . CHI PHÍ KHÁC

	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Chi phí khấu hao, phân bổ không phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	3.479.604.496	3.504.141.053
Các khoản khác	397.442	266.372
Tổng	3.480.001.938	3.504.407.425

26 . LỖ CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Lỗ thuần sau thuế	(10.663.385.184)	(10.226.595.647)
Lỗ phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	(10.663.385.184)	(10.226.595.647)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	16.000.000	16.000.000
Lỗ cơ bản trên cổ phiếu	(666)	(639)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

27 . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

a) Số tiền đi vay thực thu trong kỳ

	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	8.680.700.000	3.629.999.997

a) Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ

	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	16.300.700.000	1.518.000.000

28 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

29 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan

- Ông Nguyễn Hữu Chung
- Ông Triệu Văn Năm
- Ông Trần Thanh Hiệp
- Ông Trần Thanh Hữu

Mối quan hệ

Chủ tịch HĐQT
Tổng Giám đốc
Phó Chủ tịch HĐQT
Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Bên liên quan

- Công ty Cổ phần Thương mại Xây dựng và Đầu tư Hoàng Long

Mối quan hệ

Ông Nguyễn Hữu Chung - Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần CMISTONE Việt Nam đồng thời là Giám đốc Công ty Cổ phần Thương mại Xây dựng và Đầu tư Hoàng Long

- Công ty Cổ phần Công nghiệp Thương mại và Dịch vụ Hoành Sơn

Ông Trần Thanh Hiệp - Phó Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần CMISTONE Việt Nam đồng thời là Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Công nghiệp Thương mại và Dịch vụ Hoành Sơn

- Công ty Cổ phần CMISTONE Việt Lào

Ông Trần Thanh Hiệp - Phó Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần CMISTONE Việt Nam đồng thời là Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần CMISTONE Việt Lào

- Công ty Cổ phần Xuất khẩu và Khai thác Khoáng sản Việt Nam

Ông Trần Thanh Hiệp - Phó Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần CMISTONE Việt Nam đồng thời là đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần Xuất khẩu và Khai thác Khoáng sản Việt Nam

- Công ty Cổ phần Đầu tư Đại Gia Phát

Ông Trần Thanh Hữu - Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần CMISTONE Việt Nam đồng thời là Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Đại Gia Phát

Công ty có các giao dịch phát sinh trong kỳ và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan như sau:

Mẫu số B09a-DN/HN

Giao dịch phát sinh trong kỳ:

	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Đi vay	133.000.000	1.400.000.000
- Ông Trần Thanh Hữu	133.000.000	
- Ông Trần Thanh Hiệp	-	1.400.000.000
Trả gốc vay	7.400.000.000	-
- Ông Trần Thanh Hiệp	-	1.200.000.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư Đại Gia Phát	7.400.000.000	-
Trả tiền mua hàng	94.000.000	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Đại Gia Phát	94.000.000	-
Thu tiền bán hàng	152.000.000	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Đại Gia Phát	152.000.000	-
 Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán:	 30/06/2025	 01/01/2025
	VND	VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	1.879.002.354	2.031.002.354
- Công ty Cổ phần Xuất khẩu và Khai thác Khoáng sản Việt Nam	53.093.352	53.093.352
- Công ty Cổ phần Thương mại Xây dựng và Đầu tư Hoàng Long	88.102.342	88.102.342
- Công ty Cổ phần Đầu tư Đại Gia Phát	1.737.806.660	1.889.806.660
Trả trước cho người bán ngắn hạn	9.210.466.279	9.210.466.279
- Công ty Cổ phần Công nghiệp Thương mại và Dịch vụ Hoàn Sơn	2.025.667.720	2.025.667.720
- Công ty Cổ phần Xuất khẩu và Khai thác Khoáng sản Việt Nam	7.184.798.559	7.184.798.559
Phải thu về cho vay ngắn hạn	2.211.000.000	2.211.000.000
- Công ty Cổ phần Thương mại Xây dựng và Đầu tư Hoàng Long	2.211.000.000	2.211.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	9.219.943.624	9.219.943.624
- Công ty Cổ phần CMISTONE Việt Lào	971.106.250	971.106.250
- Công ty Cổ phần Xuất khẩu và Khai thác Khoáng sản Việt Nam	8.123.395.577	8.123.395.577
- Ông Triệu Văn Năm	406.500	406.500
- Ông Trần Thanh Hiệp	90.942.260	90.942.260
- Ông Trần Thanh Hữu	34.093.037	34.093.037

Mẫu số B09a-DN/HN

Phải trả người bán ngắn hạn	12.226.811.132	12.320.811.132
- Công ty Cổ phần Đầu tư Đại Gia Phát	12.226.811.132	12.320.811.132
Vay và nợ thuê tài chính	22.244.861.246	29.511.861.246
- Công ty Cổ phần Đầu tư Đại Gia Phát	22.111.861.246	29.511.861.246
- Ông Trần Thanh Hữu	133.000.000	-
Phải trả ngắn hạn khác	163.364.000	163.364.000
- Ông Nguyễn Hữu Chung	72.000.000	72.000.000
- Ông Trần Thanh Hiệp	41.000.000	41.000.000
- Ông Trần Thanh Hữu	50.364.000	50.364.000

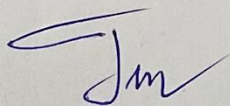
Thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Trong năm, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc không nhận lương, thù lao.

30 . SỐ LIỆU SO SÁNH

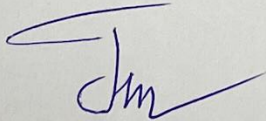
Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội kiểm toán. Số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024 đã được Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội soát xét.

Người lập biểu



Trần Thị Hiền

Kế toán trưởng



Trần Thị Hiền

Hà Nội, ngày 13 tháng 08 năm 2025

Tổng Giám đốc



Triệu Văn Năm